

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán*

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán	5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 26
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 – 26

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG
Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang, trước đây là Công ty TNHH Công nghiệp Tung Kuang - một doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 472033000244 lần đầu ngày 05 tháng 4 năm 1995, Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 01 đến lần 4 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: **243.799.460.000** đồng.

Thời gian hoạt động của Công ty là 50 (năm mươi) năm kể từ ngày 05 tháng 4 năm 1995.

Hoạt động chính của công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm:

- Sản xuất các sản phẩm nhôm ở dạng thanh nhôm, ống nhôm, lá nhôm, lưới nhôm, dây nhôm và thực hiện các dịch vụ thiết kế sửa chữa, lắp ráp các sản phẩm bằng nhôm;
- Sản xuất các phụ kiện để phục vụ lắp đặt các sản phẩm bằng nhôm (gioăng cao su, bánh xe trượt bằng nhựa, tay nắm khóa, bản lề cửa);
- Các sản phẩm và phụ kiện bằng nhôm dùng trong lĩnh vực y tế (gậy nhôm cho người tàn tật, xe lăn, giường bệnh viện, tủ thuốc);
- Các sản phẩm và phụ kiện bằng nhôm dùng trong lĩnh vực thể dục thể thao (xe tập thể dục đa năng, xe đạp nhôm, vợt tennis và các thiết bị khác);
- Xử lý bề mặt các sản phẩm bằng kim loại nhôm (sơn tĩnh điện);
- Sản xuất nhôm tấm và nhôm phức hợp dùng trong lĩnh vực xây dựng.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Công ty có các Chi nhánh hạch toán độc lập như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang tại Hải Dương;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra, Công ty có một Chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại Đà Nẵng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 26).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG
Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Liu Cheng Min	Chủ tịch
Ông Ma Chia Lung	Phó chủ tịch
Ông Hsu Wen Chuan	Ủy viên
Ông Chan Chun Shung	Ủy viên
Ông Tsan Hsun Lin	Ủy viên
Ông Jan Chun Shion	Ủy viên
Ông Liu Chien Hung	Ủy viên
Ông Liu Chien Lin	Ủy viên
Ông Liu Chen Chin	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Tsan Hsun Lin	Tổng Giám đốc
Ông Hsu Chih Cheng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Liu Chien Hung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Liu Chien Lin	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính riêng;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG
Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2011
TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Tsan Hsun Lin

Số : 84/2011/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang được lập ngày 06 tháng 03 năm 2011 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính riêng; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính rằng : Trong năm tài chính 2010, Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang tại Hải Dương đã bị đình chỉ hoạt động sản xuất phát sinh nước thải chưa qua xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường trong giai đoạn từ ngày 21 tháng 4 năm 2010 đến ngày 16 tháng 9 năm 2010 theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có quyết định của các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến một khoản tiền phạt do việc vi phạm trên. Do không thể có được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của khoản tiền bị phạt có thể phát sinh trong tương lai nên chưa có bất kỳ một khoản dự phòng nào được ghi nhận trên báo cáo tài chính năm 2010 cho sự kiện trên. Điều này tiềm ẩn một khoản chi phí có thể được ghi nhận trong tương lai (chưa ước tính được) và sẽ ảnh hưởng đến số liệu tài chính trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2011

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc

Kiểm toán viên

Bùi Ngọc Vương
Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV

Bùi Ngọc Hà
Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		434.358.668.844	420.768.265.529
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		76.752.408.031	86.137.255.570
1.	Tiền	111	V.01	32.644.074.697	44.137.255.570
2.	Các khoản tương đương tiền	112		44.108.333.334	42.000.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		148.913.008.890	202.261.712.395
1.	Phải thu khách hàng	131		127.169.618.283	167.330.309.461
2.	Trả trước cho người bán	132		15.937.097.916	31.237.038.604
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	5.932.665.942	3.820.737.581
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(126.373.251)	(126.373.251)
IV.	Hàng tồn kho	140		197.034.514.685	120.700.537.902
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	197.034.514.685	120.700.537.902
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		11.658.737.238	11.668.759.662
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.089.612.865	10.404.554.199
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		647.765.506	920.612.557
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.04	1.278.330.245	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		643.028.622	343.592.906

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		207.204.659.628	240.228.776.565
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		200.990.452.518	226.697.452.696
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	200.959.494.317	226.632.721.911
	- Nguyên giá	222		461.399.248.721	450.256.194.006
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(260.439.754.404)	(223.623.472.095)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.06	30.958.201	64.730.785
	- Nguyên giá	228		168.862.919	168.862.919
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(137.904.718)	(104.132.134)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.693.243.784	4.260.032.994
1.	Đầu tư vào công ty con	251		11.409.385.000	11.409.385.000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.07	-	94.200.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(9.716.141.216)	(7.243.552.006)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		4.520.963.326	9.271.290.875
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	4.520.963.326	9.271.290.875
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		641.563.328.472	660.997.042.094

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		355.041.178.710	362.892.664.494
I.	Nợ ngắn hạn	310		349.063.481.974	359.980.340.259
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	272.176.205.456	276.141.053.729
2.	Phải trả người bán	312		33.024.658.155	51.841.649.948
3.	Người mua trả tiền trước	313		2.444.594.504	13.435.127.080
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	4.439.046.389	8.615.238.973
5.	Phải trả người lao động	315		2.799.693.742	3.284.680.835
6.	Chi phí phải trả	316	V.11	2.163.308.431	790.456.521
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	25.989.894.008	3.562.621.779
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.026.081.289	2.309.511.394
II.	Nợ dài hạn	330		5.977.696.736	2.912.324.235
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.13	-	2.904.010.995
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		63.346.376	8.313.240
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		5.914.350.360	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		286.522.149.762	298.104.377.600
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	286.522.149.762	298.104.377.600
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		243.799.460.000	212.000.000.000
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		15.908.605.064	8.580.104.274
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		5.783.883.110	2.119.632.715
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		5.783.883.110	2.119.632.715
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.246.318.478	73.285.007.896
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		641.563.328.472	660.997.042.094

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG
Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		6.051.260.717	1.362.092.659
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		16.566	25.672
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		442.100.000	442.100.000
5.	Ngoại tệ các loại <i>USD</i>		<i>71.619</i>	<i>25.697</i>
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 06 tháng 3 năm 2011

Tổng Giám đốc

Liu Chien Hung

Tsan Hsun Lin

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	713.540.094.338	783.006.415.310
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	157.066.616	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	713.383.027.722	783.006.415.310
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	610.109.914.393	633.260.257.153
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		103.273.113.329	149.746.158.157
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	5.556.127.393	3.462.068.108
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	36.425.662.426	35.840.289.487
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>12.378.289.938</i>	<i>13.303.726.822</i>
8.	Chi phí bán hàng	24		6.465.740.387	7.464.991.111
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		33.117.820.681	30.614.326.172
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.820.017.228	79.288.619.495
11.	Thu nhập khác	31		6.162.888.538	4.354.249.703
12.	Chi phí khác	32		19.024.997.032	1.654.386.556
13.	Lợi nhuận khác	40		(12.862.108.494)	2.699.863.147
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.957.908.734	81.988.482.642
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	6.675.886.177	8.130.562.145
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		13.282.022.557	73.857.920.497

Đồng Nai, ngày 06 tháng 3 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Liu Chien Hung

Tsan Hsun Lin

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		19.957.908.734	81.988.482.642
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		37.009.558.664	36.038.403.541
-	Các khoản dự phòng	03		2.472.589.210	(8.491.457.721)
-	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1.675.926.884)	6.456.026.709
-	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.658.118.202)	(2.576.733.084)
-	Chi phí lãi vay	06		12.378.289.938	13.303.726.822
3.	<i>Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		67.484.301.460	126.718.448.909
-	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		53.559.392.009	(70.568.919.871)
-	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(76.333.976.783)	49.432.438.425
-	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(24.034.593.395)	(3.445.669.114)
-	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		6.065.268.883	(9.827.788.335)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(10.684.673.466)	(13.443.170.936)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(13.268.183.680)	(2.089.874.217)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		4.536.254.000	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(330.528.111)	(3.576.050.723)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.993.260.917	73.199.414.138
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(10.626.250.537)	(19.615.478.814)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		90.909.091	203.411.629
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		94.200.000	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.652.723.818	2.449.636.686
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.788.417.628)	(16.962.430.499)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		588.814.599.595	557.471.297.575
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(594.142.725.924)	(566.004.094.655)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.227.598.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.555.724.329)	(8.532.797.080)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(9.350.881.040)	47.704.186.559
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		86.137.255.570	38.450.911.731
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(33.966.499)	(17.842.720)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	76.752.408.031	86.137.255.570

Đồng Nai, ngày 06 tháng 3 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Liu Chien Hung

Tsan Hsun Lin

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG
Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất các sản phẩm nhôm ở dạng thanh nhôm, ống nhôm, lá nhôm, lưới nhôm, dây nhôm và thực hiện các dịch vụ thiết kế sửa chữa, lắp ráp các sản phẩm bằng nhôm;
- Sản xuất các phụ kiện để phục vụ lắp đặt các sản phẩm bằng nhôm (gioăng cao su, bánh xe trượt bằng nhựa, tay nắm khóa, bản lề cửa);
- Các sản phẩm và phụ kiện bằng nhôm dùng trong lĩnh vực y tế (gậy nhôm cho người tàn tật, xe lăn, giường bệnh viện, tủ thuốc);
- Các sản phẩm và phụ kiện bằng nhôm dùng trong lĩnh vực thể dục thể thao (xe tập thể dục đa năng, xe đạp nhôm, vợt tennis và các thiết bị khác);
- Xử lý bề mặt các sản phẩm bằng kim loại nhôm (sơn tĩnh điện);
- Sản xuất nhôm tấm và nhôm phức hợp dùng trong lĩnh vực xây dựng.

04. Đặc điểm hoạt động của công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang Hải Dương ngừng hoạt động sản xuất từ ngày 21 tháng 4 năm 2010 đến ngày 16 tháng 9 năm 2010, theo Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc đình chỉ hoạt động sản xuất phát sinh nước thải chưa qua xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường của chi nhánh, và theo Quyết định số 2415/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc cho phép chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang Hải Dương hoạt động sản xuất trở lại. Việc ngừng hoạt động sản xuất đã làm cho sản lượng sản xuất cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của chi nhánh giảm mạnh so với các năm trước, cụ thể là năm 2010 doanh thu của chi nhánh chỉ đạt **220.467.326.604 đồng**, và lỗ tới **31.015.401.108 đồng**. Điều này cũng ảnh hưởng tương tự đến Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

05. Các Chi nhánh hạch toán độc lập và phụ thuộc của Công ty

Các Chi nhánh hạch toán độc lập của Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang tại Hải Dương;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang tại huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Chi nhánh hạch toán phụ thuộc của Công ty:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghiệp Tung Kuang tại Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG
Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG
Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà xưởng	10 – 25 năm
- Thiết bị sản xuất:	6 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
- Phần mềm máy tính	3 năm

04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chi phí trước hoạt động;
- Giá trị của công cụ dụng cụ xuất dùng phân bổ cho nhiều năm tài chính;
- Các khoản chi phí khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Các chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG

Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG

Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

• **Đối với Văn phòng Công ty tại Khu Công nghiệp Biên Hoà II - tỉnh Đồng Nai:**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Văn phòng Công ty là 15% tính đến hết ngày 05 tháng 4 năm 2045.

• **Đối với Chi nhánh Công ty tại tỉnh Hải Dương:**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Chi nhánh là 15% trong 12 năm tính đến hết ngày 10 tháng 6 năm 2013 và bằng 25% trên thu nhập chịu thuế kể từ ngày 11 tháng 6 năm 2013 đến hết ngày 05 tháng 4 năm 2045.

Chi nhánh được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2006 là năm đầu tiên Chi nhánh có thu nhập chịu thuế) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm tiếp theo. Năm 2009 là năm cuối Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

• **Đối với Chi nhánh Công ty tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai:**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Chi nhánh là 15% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2007) và trong các năm tiếp theo áp dụng theo quy định hiện hành.

Chi nhánh được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.

Năm 2010 là năm đầu tiên chi nhánh có thu nhập chịu thuế.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	315.259.510	521.776.078
- Tiền gửi ngân hàng	32.328.815.187	43.115.479.492
- Tiền đang chuyển	-	500.000.000
Cộng	32.644.074.697	44.137.255.570

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu người lao động	-	-
- Phải thu khác	5.932.665.942	3.820.737.581
Cộng	<u>5.932.665.942</u>	<u>3.820.737.581</u>

03. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi đường	-	90.186.000
- Nguyên liệu, vật liệu	86.554.560.236	40.576.053.804
- Công cụ, dụng cụ	444.006.068	1.527.499.998
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	61.324.792.968	45.779.117.745
- Thành phẩm	48.418.690.993	31.209.895.103
- Hàng hoá	292.464.420	243.929.879
- Hàng gửi đi bán	-	1.273.855.373
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	<u>197.034.514.685</u>	<u>120.700.537.902</u>

04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra nộp thừa	-	-
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu nộp thừa	51.741.212	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt nộp thừa	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.216.171.698	-
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	-	-
- Thuế khác nộp thừa	-	-
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	10.417.335	-
Cộng	<u>1.278.330.245</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ QL	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	107.634.205.218	330.640.563.629	8.172.729.757	3.808.695.402		450.256.194.006
- Mua trong năm	-	3.318.339.157	1.473.900.000	29.862.000	-	4.822.101.157
- Đầu tư XDCB hoàn thành	7.052.836.183	-	-	-	-	7.052.836.183
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(90.909.091)	-	-	-	(90.909.091)
- Giảm khác	-	(640.973.534)	-	-	-	(640.973.534)
Số dư cuối năm	114.687.041.401	333.227.020.161	9.646.629.757	3.838.557.402		461.399.248.721
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	28.305.275.376	187.606.608.132	4.284.475.260	3.427.113.327		223.623.472.095
- Khấu hao trong năm	4.944.169.506	30.996.923.950	878.328.005	156.364.619	-	36.975.786.080
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(159.503.771)	-	-	-	(159.503.771)
Số dư cuối năm	33.249.444.882	218.444.028.311	5.162.803.265	3.583.477.946		260.439.754.404
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	79.328.929.842	143.033.955.497	3.888.254.497	381.582.075		226.632.721.911
2. Tại ngày cuối năm	81.437.596.519	114.782.991.850	4.483.826.492	255.079.456		200.959.494.317

(*) Nguyên giá Tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: **846.006.589 đồng**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
Số dư đầu năm	168.862.919	168.862.919
- Mua trong năm	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	168.862.919	168.862.919
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	104.132.134	104.132.134
- Khấu hao trong năm	33.772.584	33.772.584
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối năm	137.904.718	137.904.718
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	64.730.785	64.730.785
2. Tại ngày cuối năm	30.958.201	30.958.201

07. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a- Đầu tư vào công ty con	1.140.939	11.409.385.000	1.140.939	11.409.385.000
- Công ty TNHH Tung Yang	1.140.939	11.409.385.000	1.140.939	11.409.385.000
b- Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	94.200.000
- Đầu tư cổ phiếu	-	-	-	-
- Đầu tư trái phiếu	-	-	-	94.200.000

08. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí trước hoạt động (CN Nhon Trạch)	-	858.250.146
- Giá trị còn lại của Công cụ dụng cụ đã xuất dùng	4.520.963.326	8.398.099.117
- Chi phí khác chờ phân bổ	-	14.941.612
Cộng	4.520.963.326	9.271.290.875

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- <i>Vay ngắn hạn</i>	272.176.205.456	276.141.053.729
Vay Ngân hàng	272.176.205.456	276.141.053.729
- <i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	-	-
Cộng	272.176.205.456	276.141.053.729

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	1.620.199.214	736.208.227
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.175.062.149	7.551.187.954
- Thuế thu nhập cá nhân	33.950.988	327.842.792
- Các loại thuế khác	609.834.038	-
Cộng	4.439.046.389	8.615.238.973

11. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lãi vay phải trả	1.933.803.307	240.186.835
- Chi phí phải trả khác	229.505.124	550.269.686
Cộng	2.163.308.431	790.456.521

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	517.341	3.898.910
- Bảo hiểm xã hội	100.234.194	23.171.120
- Bảo hiểm y tế	17.165.047	15.092.720
- Bảo hiểm thất nghiệp	11.627.549	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.860.349.877	3.520.459.029
+ <i>Cổ tức năm 2007</i>	<i>3.371.733.500</i>	<i>3.371.733.500</i>
+ <i>Cổ tức năm 2009</i>	<i>17.972.402.000</i>	-
+ <i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>4.516.214.377</i>	<i>148.725.529</i>
Cộng	25.989.894.008	3.562.621.779

13. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- <i>Vay dài hạn</i>	-	2.904.010.995
Vay ngân hàng	-	2.904.010.995
- <i>Nợ dài hạn</i>	-	-
Cộng	-	2.904.010.995

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	212.000.000.000	8.580.104.274	2.119.632.715	2.119.632.715	(572.912.601)	224.246.457.103
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	73.857.920.497	73.857.920.497
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	212.000.000.000	8.580.104.274	2.119.632.715	2.119.632.715	73.285.007.896	298.104.377.600
Số dư đầu năm nay	212.000.000.000	8.580.104.274	2.119.632.715	2.119.632.715	73.285.007.896	298.104.377.600
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	13.282.022.557	13.282.022.557
Phân phối lợi nhuận năm trước	31.799.460.000	7.328.500.790	3.664.250.395	3.664.250.395	(71.320.711.975)	(24.864.250.395)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	243.799.460.000	15.908.605.064	5.783.883.110	5.783.883.110	15.246.318.478	286.522.149.762

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	243.799.460.000	212.000.000.000
Cộng	<u>243.799.460.000</u>	<u>212.000.000.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	212.000.000.000	212.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	31.799.460.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	243.799.460.000	212.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	52.999.460.000	-

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.379.946	21.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.379.946	21.200.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>24.379.946</i>	<i>21.200.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.379.946	21.200.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>24.379.946</i>	<i>21.200.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	15.908.605.064	8.580.104.274
- Quỹ dự phòng tài chính	5.783.883.110	2.119.632.715
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.783.883.110	2.119.632.715
Cộng	<u>27.476.371.284</u>	<u>12.819.369.704</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng (*)	704.332.921.795	760.850.942.735
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.207.172.543	22.155.472.575
Cộng	<u>713.540.094.338</u>	<u>783.006.415.310</u>

(*) Trong đó:

+ Doanh thu bán hàng hóa	-
+ Doanh thu bán thành phẩm	704.332.921.795
Cộng	<u>704.332.921.795</u>

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	157.066.616	-
Cộng	<u>157.066.616</u>	<u>-</u>

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	704.175.855.179	760.850.942.735
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	9.207.172.543	22.155.472.575
Cộng	<u>713.383.027.722</u>	<u>783.006.415.310</u>

04. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	569.247.022
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	605.324.806.692	637.812.935.193
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.785.107.701	1.560.783.080
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(6.682.708.142)
Cộng	<u>610.109.914.393</u>	<u>633.260.257.153</u>

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.652.723.818	2.449.636.686
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	5.394.384	8.101.200
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.222.082.307	1.004.330.222
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.675.926.884	-
Cộng	<u>5.556.127.393</u>	<u>3.462.068.108</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG
 Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	12.378.289.938	13.303.726.822
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
- Lỗ bán ngoại tệ	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.574.783.278	17.573.515.757
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	6.456.026.709
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.472.589.210	(1.493.022.830)
- Chi phí tài chính khác	-	43.029
Cộng	36.425.662.426	35.840.289.487

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.675.886.177	8.130.562.145
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	6.675.886.177	8.130.562.145

08. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	549.940.125.936	524.206.021.331
- Chi phí nhân công	26.997.537.455	26.885.612.122
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.009.558.664	29.276.405.577
- Phí li xăng sử dụng nhãn hiệu	10.170.048.074	10.121.558.083
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.392.812.876	42.492.180.535
- Chi phí khác bằng tiền	34.937.863.569	32.978.333.896
Cộng	682.447.946.574	665.960.111.544

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TUNG KUANG
Khu Công nghiệp Biên Hoà II, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

02. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Kế toán trưởng

Liu Chien Hung

Đồng Nai, ngày 06 tháng 3 năm 2011

Tổng Giám đốc

Tsan Hsun Lin